

Số: /SGDDT- GDMN, TH
V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
giáo dục mầm non năm học 2025-2026

Lang Sơn, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các cơ sở Giáo dục mầm non.

Thực hiện Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Công văn số 4828/BGDDT-GDMN ngày 15/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2025-2026 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, của ngành về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với GDMN. Tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; đổi mới công tác quản trị trường học; có giải pháp phù hợp, kịp thời để tham mưu, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 và triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ. Tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ ở những nơi đủ điều kiện.

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN; đưa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển GDMN, thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào các văn kiện, Nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương để triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách phát triển GDMN. Tham mưu đầu tư nguồn lực và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; chủ động

thực hiện xây dựng, thực hiện kế hoạch và tham mưu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện sắp xếp bố trí đủ số lượng GVMN theo định mức quy định để thực hiện Chương trình GDMN.

5. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em mầm non, quan tâm đến đối tượng là trẻ em mầm non ở khu vực có khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX); người dân tộc thiểu số (DTTS), người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS); công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền và đúng quy định.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Năm học 2025 - 2026, GDMN tập trung các giải pháp thực hiện **Chủ đề “Đẩy mạnh công nghệ số - tăng cường giáo dục STEM trong cơ sở GDMN”**.

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với GDMN

1.1. *Chủ động tham mưu, ban hành, triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN.*

Thực hiện triển khai, ban hành, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, của ngành tới 100% cơ sở GDMN nhằm đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026.

Tập trung tham mưu với cấp ủy, chính quyền ở địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; đưa nội dung nâng cao chất lượng GDMN và bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào văn kiện, nghị quyết của Đại hội Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN¹; thực hiện đúng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo về GDMN². Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về các chính sách đối với trẻ em mầm non và chính sách đối với Nhà giáo trong cơ sở GDMN theo quy định³.

¹ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN.

² Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT, ngày 05/11/2021 quy định quy trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2021 quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2021 ban hành Quy chế hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập dân lập và tư thục.

³ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ chính trị về đột phá, phát triển giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN⁴. Ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực các đề án, dự án, chương trình, đầu tư cơ sở vật chất (CSVCh), đội ngũ và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, bảo đảm hoàn thành phổ cập GDMN trẻ em từ 3-5 tuổi và đổi mới Chương trình GDMN.

1.2. Đổi mới công tác quản lý trong cấp học Mầm non

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy định việc quản lý cơ sở GDMN⁵; tăng tính chủ động xây dựng kế hoạch và công tác phối hợp các cấp quản lý giáo dục, phòng, ban, ngành liên quan ở địa phương trong kiểm tra, giám sát; hướng dẫn, chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN, đặc biệt đối với các nhóm, lớp mầm non độc lập.

Tập trung hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở GDMN trên địa bàn theo phân cấp phụ trách. Tăng cường hướng dẫn, thực hiện quy định việc quản lý cơ sở GDMN⁶; tăng cường lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng, nhất là vai trò người đứng đầu cấp ủy trong cơ sở giáo dục; thực hiện bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; nâng cao chất lượng công tác quản trị cơ sở GDMN; tiếp tục phát triển chương trình nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp lấy trẻ làm trung tâm phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ theo quy định của pháp luật.

UBND cấp xã chỉ đạo Phòng Văn hoá - Xã hội (VHXH) phối hợp với các phòng ban, các tổ chức xã hội ở địa phương huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý các cơ sở GDMN công lập và ngoài công lập thuộc địa bàn phụ trách, đặc biệt trong quản lý nhóm, lớp độc lập tư thục.

Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; Quyết số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 phê duyệt Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”; Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 quy định miễn, hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông và người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Chính sách về học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em theo quy định; Luật số 73/2025/QH15 ngày 16/6 năm 2025 của Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo và các quy định của pháp luật; Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030.

⁴ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó có quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.

⁵ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực QLNN của Bộ GDĐT; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực QLNN của Bộ GDĐT; Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ QLNN của chính quyền địa phương hai cấp đối với GDMN và các văn bản liên quan đối với GDMN; Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, TP trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực GDĐT.

⁶ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Tăng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục được quyết định các hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở GDMN trong bối cảnh mới; gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở GDMN; giao quyền chủ động cho cơ sở GDMN, CBQL, GV trong công tác lập Kế hoạch, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tăng cường, đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn bảo đảm quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ sở GDMN.

Khuyến khích phát huy mạng lưới chuyên môn liên trường, liên xã để nhân rộng kinh nghiệm quản lý GDMN. Thực hiện giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT⁷. Đôn đốc, hướng dẫn, các cơ sở GDMN thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, đánh giá về bảo đảm an toàn trường học⁸.

Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về GDMN thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành Giáo dục; tối ưu hóa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giảm thiểu việc sử dụng văn bản, hồ sơ giấy; phát hiện, nhân rộng các mô hình quản lý hay, sáng kiến chuyển đổi số hiệu quả trong GDMN.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc sử dụng hệ thống hồ sơ sổ sách đúng quy định, khoa học, tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ trong cơ sở GDMN⁹. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở GDMN theo Điều lệ trường mầm non, đặc biệt đối với các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập tự thực.

1.3. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra

Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra việc triển khai các chủ trương của Đảng và thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực GDMN thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Thực hiện giám sát, sử dụng các nguồn lực để tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT¹⁰. Đôn đốc, hướng dẫn, các cơ sở GDMN thường xuyên tự kiểm tra, rà soát, đánh giá về bảo đảm an toàn trường học¹¹.

⁷ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

⁸ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định về việc xây dựng trường học an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

⁹ Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

¹⁰ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

¹¹ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định về việc xây dựng trường học an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp liên ngành và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ GDMN của địa phương; bảo đảm tuyệt đối an toàn cho trẻ và hoạt động của cơ sở GDMN. Đồng thời, tập trung hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, rà soát, nắm thông tin về việc quản lý và triển khai thực hiện các dịch vụ tại cơ sở GDMN bảo đảm đúng quy định, hiệu quả phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở GDMN.

2. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện triển khai Chương trình GDMN mới

2.1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định về công tác bảo đảm an toàn trường học; tăng cường công tác kiểm tra, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch bệnh. Xây dựng các phương án sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp, đảm bảo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT - BGDDT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; tăng cường đưa các nội dung Chuyên đề "Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ" vào nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở GDMN; thực hiện việc giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN¹²; thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử theo quy định; nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV, NV trong công tác đảm bảo an toàn, phòng chống bạo lực học đường, tổ chức ăn bán trú, giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích,... vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

Các cấp quản lý Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra, công tác hậu kiểm. Chỉ đạo các cơ sở GDMN chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn trong cơ sở GDMN nhằm phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ nhất là tại các cơ sở GDMN, nhóm, lớp độc lập tự thực; xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm.

Lồng ghép, tích hợp kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em trong bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề.

¹² Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

2.2. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

a) Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em

Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định¹³, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức y tế Thế giới. Thực hiện nghiêm công tác tổ chức nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bổ bữa ăn phù hợp¹⁴; phối hợp với ngành y tế ở địa phương thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN. Nghiêm túc thực hiện công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN; phối hợp với ngành y đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, các bếp ăn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu về điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong cơ sở GDMN; tiếp tục thực hiện nghiêm túc công văn số 417/SGDDĐT- GDMN,TH ngày 17/02/2023 của Sở GDĐT về việc thực hiện công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN: Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn trẻ em; phối hợp với ngành y tế ở địa phương tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở GDMN theo quy định; chỉ đạo tăng tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường, thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị/địa phương. Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ tại cơ sở GDMN¹⁵; quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn tại trường/lớp, không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATTP; đảm bảo 100% trẻ được an toàn về thể chất và tinh thần khi đến trường; chấn chỉnh xử lý nghiêm những sai phạm trong công tác tổ chức bữa ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN.

Tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc tổ chức bữa ăn bán trú, bảo đảm các điều kiện tổ chức hiệu quả "**Chăm sóc tốt; nuôi dưỡng tốt**" cho trẻ; có giải pháp hỗ trợ, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em ở vùng khó khăn. Tiếp tục phối hợp với Phòng, ban, ngành địa phương vận động các nguồn lực xã hội để triển khai gói hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng và gói hỗ trợ đồ ẩm cho trẻ em mầm non ở xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi¹⁶. Tuyên truyền tới phụ huynh về dinh dưỡng, sức

¹³ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT quy định về công tác y tế trường học.

¹⁴ Công văn số 423 /BGDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 của Bộ GDĐT về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

¹⁵ Công văn số 404/BGDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.

¹⁶ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2019 - 2025.

khỏe cho trẻ em mầm non¹⁷. Xây dựng, nhân rộng các mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đặc biệt là mô hình phối hợp với nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng.

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

b) Nâng chất lượng thực hiện chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong cơ sở GDMN; chủ động, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch giáo dục phát triển Chương trình GDMN nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, đặc biệt các cơ sở ở vùng khó khăn có nhiều điểm trường, lớp ghép bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở GDMN, khả năng và nhu cầu của trẻ. Triển khai các giải pháp phù hợp, phát huy tính chủ động và sự tham gia của tổ chuyên môn; bảo đảm sự tham gia của cha mẹ trẻ trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong cơ sở GDMN.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến... Năm học 2025 - 2026, đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Tiếp tục phát huy, nhân rộng kết quả những mô hình, sáng kiến trong thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; vận dụng sáng tạo linh hoạt phương pháp giáo dục tiên tiến tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ em¹⁸; triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS; nâng chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một; tham mưu ưu tiên đầu tư và có giải pháp thiết thực hiệu quả để triển khai thực hiện nhằm đạt các mục tiêu của Chương trình¹⁹ ở địa phương, đơn vị.

¹⁷ Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025.

¹⁸ Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.

¹⁹ Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.

Thực hiện tích hợp giáo dục STEM trong xây dựng kế hoạch giáo dục; tăng cường tổ chức hoạt động/dự án giáo dục STEM; lựa chọn 01 đến 02 hoạt động/lớp/01 chủ đề và tích cực lồng ghép tích hợp giáo dục STEM vào các lĩnh vực và hoạt động hàng ngày của trẻ. Đồng thời, tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ, phát huy nhân rộng mô hình điểm thực hiện giáo dục STEM trong cơ sở GDMN, đặc biệt các đơn vị thực hiện điểm cấp tỉnh²⁰. Xây dựng các câu lạc bộ giáo dục STEM cấp trường, cấp xã, cụm xã. Tổ chức ngày hội STEM các cấp, ***dự kiến ngày hội STEM cấp tỉnh tháng 4/2026*** (Sở GDĐT có văn bản hướng dẫn riêng).

Tăng cường lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non, thực hiện lồng ghép đưa quyền con người vào kế hoạch giáo dục, thực hiện Chương trình GDMN và tổ chức các hoạt động cho trẻ mẫu giáo chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp học GDMN năm học 2025-2026; tiếp tục tăng cường khai thác các nội dung của Chương trình đặc biệt là các cơ sở GDMN thực hiện điểm cấp tỉnh²¹. Đồng thời, tiếp tục thực hiện giáo dục giới; đẩy mạnh thực hiện lồng ghép, tăng cường các hoạt động trải nghiệm giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội; giáo dục phát triển vận động; giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ an toàn bản thân và môi trường sống cho trẻ mầm non; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở GDMN gắn với thực hiện Chiến lược Quốc gia tăng trưởng xanh.

Chuẩn bị toàn diện cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng phổ biến, tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức, ... Thực hiện hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện địa phương, đơn vị.

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ em khuyết tật²²; bảo đảm môi trường giáo dục và kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em khuyết tật và hoàn cảnh khó khăn; truyền thông nâng cao nhận thức của phụ huynh và cộng đồng về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại cơ sở GDMN. Thực hiện

²⁰ Trường MN Hoàng Văn Thụ và trường MN Hoa Đào, phường Kỳ Lừa; trường MN Sơn Ca, xã Chi Lăng; trường MN xã Vĩnh Thịnh, xã Hữu Lũng; trường MN Tú Xuyên, xã Văn Quan; trường MN Hoàng Văn Thụ, xã Bình Gia; trường MN 1 Văn Nham, xã Văn Nham; trường MN Tân Thanh xã Hoàng Văn Thụ; trường MN I Đình Lập, xã Đình Lập; trường MN Bắc Sơn, xã Bắc Sơn; trường MN Lộc Bình, xã Lộc Bình; trường MN 2-9 phường Đông Kinh; trường MN Hoa Hướng Dương, phường Tam Thanh; trường MN 8-3, phường Lương Văn Tri; trường MN Đề Thám, xã Tràng Định; trường MN Sơn Ca, xã Chi Lăng; trường MN Tô Hiệu, xã Bình Gia; trường MN Bắc Sơn, xã Bắc Sơn.

²¹ Trường MN xã Sơn Hà, xã Hữu Lũng; trường MN Bắc Thủy, xã Nhân Lý; trường MN Liên Cơ, phường Đông Kinh; trường MN I Đình Lập, xã Đình Lập; trường MN Yên Khoái, xã Mẫu Sơn; trường MN Tân Liên, Phường Kỳ Lừa, trường MN Yên Phúc, xã Yên Phúc, trường MN Tô Hiệu, xã Bình Gia, trường MN xã Vũ Sơn, xã Vũ Lễ; trường MN Tân Thanh, xã Hoàng Văn Thụ; trường MN 10-10 Thất Khê, xã Thất Khê.

²² Điều 15 Luật giáo dục số 43/2019/QH14; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

nghiêm túc việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật²³ nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục có trẻ em khuyết tật học hòa nhập. Tăng cường năng lực cho đội ngũ CBQL, GVMN trong quản lý và thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật. Rà soát việc thực hiện chính sách đối với những cơ sở GDMN đang có trẻ khuyết tật học hòa nhập nhằm đảm bảo quyền lợi cho trẻ em và giáo viên theo quy định của pháp luật²⁴.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về tầm quan trọng cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh trong các cơ sở GDMN; tiếp tục mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh trong cơ sở GDMN; quản lý, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện theo qui định²⁵; thực hiện công tác xã hội hóa, thu, chi theo đúng quy định²⁶; lựa chọn, sử dụng tài liệu đã được Bộ GDĐT thẩm định, ban hành tổ chức thực hiện đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả cho trẻ làm quen tiếng Anh.

Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt việc lựa chọn, quản lý, sử dụng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu theo quy định hiện hành; bảo đảm quy trình lựa chọn, trang bị, mua sắm theo quy định²⁷; bảo đảm chất lượng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu, xuất bản phẩm tham khảo,... phục vụ triển khai hiệu quả kế hoạch giáo dục thực hiện Chương trình GDMN.

2.3. Chuẩn bị điều kiện triển khai Chương trình GDMN mới

Chỉ đạo các cơ sở GDMN tập trung, ưu tiên chuẩn bị tốt điều kiện về nguồn lực, năng lực đội ngũ để thực hiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN mới trong thời gian tới.

2.4. Kế hoạch thời gian năm học

Thời gian thực hiện Chương trình GDMN 35 tuần (*bắt đầu từ ngày 08/9/2025; kết thúc chương trình học kỳ I ngày 18/01/2026; kết thúc chương trình trước ngày 23/5/2026; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026*). Các đơn vị căn cứ tình hình thực tế để có phương án điều chỉnh kế hoạch giáo dục, xây dựng các nội dung phù hợp, phối hợp với phụ huynh chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm đảm bảo các mục tiêu cần đạt cuối mỗi độ tuổi và chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ 5 tuổi vào lớp Một.

²³ Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/1/2019 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

²⁴ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật.

²⁵ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo ở nơi có đủ điều kiện; Công văn số 3920/SGDĐT-GDMN,TH ngày 30/12/2021 về việc đảm bảo chất lượng cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh; Công văn số 2918/SGDĐT -GDMN, TH ngày 06/10/2022 về việc Hướng dẫn triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

²⁶ Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

²⁷ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở GDMN, GDPT và GDTX; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN; Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 của Bộ GDĐT quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN.

3. Bảo đảm chất lượng PCGDMNTNT, triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

3.1. Triển khai Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập mẫu giáo.

UBND cấp xã; các cơ sở GDMN, Giáo dục phổ thông có lớp mầm non công lập và ngoài công lập tập trung triển khai, tuyên truyền kịp thời Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (gọi tắt là phổ cập mẫu giáo) và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập mẫu giáo đến 100% CBQL, GV, NV trong đơn vị được biết và thực hiện.

UBND cấp xã chủ trì tham mưu các cấp có thẩm quyền đưa chỉ tiêu hoàn thành phổ cập mẫu giáo và các chính sách phát triển GDMN vào văn kiện, nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của địa phương; thực hiện ban hành chương trình, đề án, kế hoạch triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ở địa phương theo lộ trình; bố trí nguồn lực ưu tiên cho phổ cập giáo dục mẫu giáo; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí, đầu tư xây dựng trường, lớp học, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu phổ cập; kiện toàn bộ sung kịp thời đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu phổ cập; tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành các chính sách cho trẻ em, đội ngũ CBQL, GV, NV cấp học MN để thực hiện phổ cập mẫu giáo giai đoạn 2026-2030; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục mẫu giáo để các địa phương triển khai thực hiện. Tham mưu UBND tỉnh, chỉ đạo các địa phương kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp.

Tham mưu, ban hành các văn bản triển khai phổ cập mẫu giáo trên địa bàn; phân công ổn định đội ngũ phụ trách công tác phổ cập; rà soát, bàn giao công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kèm theo các hồ sơ lưu trữ theo quy định; tổ chức rà soát, đánh giá về việc huy động trẻ em mẫu giáo, các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học... để chuẩn bị triển khai phổ cập mẫu giáo theo yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ.

Tăng cường nguồn lực, ưu tiên bảo đảm ngân sách để hoàn thành mục tiêu về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV phụ trách công tác phổ cập.

3.2. Đối với phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

Đối với phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, các địa phương tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT. Tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá lại về kết quả đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (trong điều kiện đã thực hiện chính quyền hai cấp); điều chỉnh, bổ sung và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2026 để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập.

3.3. Công tác điều tra, cập nhật số liệu và báo cáo

Hướng dẫn các cơ sở GDMN tăng cường công tác phối hợp với cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thực hiện tốt công tác điều tra, triển khai cập nhật chính xác thông tin, số liệu trên hệ thống quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và báo cáo kết quả phổ cập theo phân cấp quản lý đúng thời gian quy định; chỉ đạo phối hợp các bộ phận rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu giữa báo cáo thống kê và báo cáo phổ cập để đảm bảo liên thông, chính xác.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC theo quy định; thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu theo phần mềm PCGD-XMC đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác; tăng cường ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập giáo dục.

4. Bảo đảm các điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ

4.1. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp

Chủ động rà soát, tham mưu công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW, Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 của Bộ GDĐT; công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/2/2024 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDMN, phổ thông và thường xuyên và các quy định của pháp luật hiện hành; công văn số 741/UBND-KGVX ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh²⁸.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp các trường, điểm trường, lớp học bảo đảm tinh gọn, phù hợp các quy định, khoa học, linh hoạt, kế thừa, ổn định lâu dài và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, tạo thuận lợi cho người dân đưa trẻ đến trường, lớp. Đa dạng mô hình GDMN phù hợp đặc thù địa bàn đô thị, khu công nghiệp, nơi có nhiều con em công nhân; đảm bảo các điều kiện nhận trẻ từ 06 tháng đến 36 tháng tuổi tại cơ sở GDMN. Trong năm, tiếp tục phấn đấu giảm từ 6-8 điểm trường lẻ (*không sáp nhập trường, điểm trường khi không đảm bảo các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất và không sáp nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; việc sáp nhập đảm bảo quyền lợi đến trường của trẻ em*), phấn đấu mỗi xã có ít nhất một trường mầm non công lập.

Thực hiện tốt công tác dự báo quy mô phát triển hằng năm và theo giai đoạn để tiếp tục tham mưu kế hoạch, quy hoạch đất xây dựng trường, lớp mầm non (công lập và tư thục) phù hợp quy hoạch và đảm bảo phát triển bền vững đối với GDMN. Tăng cường đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo; duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTENT.

Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định về quy mô và các điều kiện của trường mầm non, các nhóm/lớp độc lập theo quy định của Nghị định số 125/2024/NĐ-CP²⁹ và Điều lệ trường mầm non.

²⁸ Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 về hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; công văn số 741/UBND-KGVX ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh về việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh.

²⁹ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

4.2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu; xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Tham mưu UBND các cấp bố trí nguồn lực từng bước bảo đảm đủ cơ sở vật, trang thiết bị đạt chuẩn. Tăng cường khai thác nguồn lực từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia, Đề án,... Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng trường lớp, CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTE 5 tuổi; đến năm 2030, 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030; ưu tiên các nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất (*đáp ứng tiêu chuẩn quy định*)³⁰ cho các trường mầm non công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ³¹, các trường trong kế hoạch công nhận mới trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Bảo đảm các điều kiện trường, lớp đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ em và yêu cầu phổ cập giáo dục mẫu giáo. Bảo đảm có đủ trường lớp chăm sóc, giáo dục trẻ em tại địa phương.

Tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành³², bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/lớp; nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố, thay thế phòng học tạm/nhờ, mượn; bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại. Các cơ sở GDMN tiếp tục rà soát trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu tại các cơ sở GDMN để có kế hoạch đầu tư, bổ sung, mua sắm đáp ứng yêu cầu chương trình GDMN. Vận dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên sẵn có ở địa phương để làm đồ dùng, đồ chơi hỗ trợ các hoạt động vui chơi, học tập cho trẻ đạt hiệu quả. Tích cực, chủ động tham mưu cho các cấp quan tâm đầu tư cơ sở vật chất giảm và xóa dần số phòng mượn, nhờ và phòng học tạm so với các năm học trước.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục tại địa phương nhằm thu hút các nguồn lực từ tổ chức, cá nhân; nâng cao các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở GDMN, đặc biệt đối với cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thực, địa bàn đô thị, khu công nghiệp. Tạo điều kiện để thực hiện các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ em và hoạt động của cơ sở GDMN theo quy định³³.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDMN theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/06/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT giai đoạn 2019-2025.

³⁰ Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 13/5/2020 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

³¹ Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.

³² Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Ban hành Đề án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2025.

³³ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/ 9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non: có kế hoạch, phối hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới và bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo quy định (*theo Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BGDĐT, ngày 31/12/2024*). Chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia vào giai đoạn tiếp theo; quan tâm đầu tư kinh phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp điều kiện CSVC cho các trường mầm non đã đạt chuẩn hiện đang xuống cấp, chưa đảm bảo đáp ứng yêu cầu mới, góp phần nâng cao chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Phân đầu tỷ lệ trường chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 54,1% (125/231 trường), tăng 8 -10 trường được công nhận mới trong năm học 2025-2026. Rà soát các điều kiện để đảm bảo hoàn thành kế hoạch công nhận mới trường học đạt chuẩn quốc gia theo Kế hoạch của UBND tỉnh Lạng Sơn. Quan tâm đầu tư cho các trường mầm non đã đạt chuẩn đảm bảo điều kiện duy trì và phân đầu đạt chuẩn mức độ 2.

4.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên mầm non

UBND cấp xã, các cơ sở GDMN tích cực tham mưu, có giải pháp đồng bộ, hiệu quả để thực hiện tuyển dụng đủ GV theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm đủ số lượng GV theo quy định, bố trí tối thiểu 02 GV/nhóm, lớp. Chỉ đạo các cơ sở GDMN rà soát, bố trí phân công giáo viên/nhóm, lớp phù hợp để đảm bảo tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình GDMN và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở trường.

Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách phù hợp đối với đội ngũ CBQL, GVMN, nhân viên trong các cơ sở GDMN; cơ chế tuyển dụng đặc thù của địa phương thu hút GVMN. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định.

b) Bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

Thực hiện tốt công tác phát triển CBQL, GVMN trong cơ sở GDMN: bảo đảm đủ về số lượng và năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyên môn³⁴. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo³⁵, ưu tiên thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP. Thực hiện nghiêm túc các chính sách theo quy định và tham mưu ban hành chính sách đặc thù của địa phương đối với đội ngũ.

Triển khai nâng cao năng lực chuyên môn CBQL (đặc biệt CBQL phụ trách GDMN thuộc UBND cấp xã), GVMN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN và thí điểm Chương trình GDMN mới; hướng dẫn lựa chọn linh hoạt nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên môn GDMN theo (*trường – cụm trường; cụm xã – liên xã*) hướng dẫn, khuyến khích

³⁴ Luật số 73/2025/QH15 ngày 16/6 năm 2025 của Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo và các quy định của pháp luật.

³⁵ Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

CBQL, GVMN tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu trên nền tảng số và thông qua các hình thức khác nhau.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người trong các cơ sở GDMN nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng đảm bảo quyền con người, quyền trẻ em cho đội ngũ CBQL, GVMN trong các cơ sở GDMN³⁶; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GVMN trong cơ sở GDMN ngoài công lập và giáo viên người DTTS, hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở cơ sở GDMN.

Triển khai hiệu quả chất lượng công tác Hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn CBQL, GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục³⁷. Triển khai hiệu quả chất lượng công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL, GVMN theo Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Cơ sở GDMN linh hoạt lựa chọn nội dung, chuyên đề, hình thức bồi dưỡng phù hợp và đáp ứng yêu cầu, bối cảnh cụ thể của địa phương. Thúc đẩy tinh tự thân học tập, chia sẻ theo nhiều hình thức giữa các tổ, nhóm, giáo viên trong cơ sở GDMN, giữa các cơ sở GDMN trong huyện, tỉnh và với địa phương khác; tạo môi trường chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi, sinh hoạt chuyên môn sâu, rộng để CBQL, GVMN sáng tạo, chia sẻ trong thực hiện đổi mới GDMN.

Chỉ đạo hướng dẫn đội ngũ giáo viên và CBQL cốt cán MN trong tư vấn hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý, nâng cao đạo đức nhà giáo và quy định về quy tắc ứng xử của CBQL, GV, NV trong các cơ sở GDMN. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng tập huấn đội ngũ, nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; khuyến khích CBQL, GVMN tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau. Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN; quan tâm bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên người DTTS; tăng cường bồi dưỡng và tự bồi dưỡng tiếng DTTS; xây dựng và mở rộng mô hình dạy tiếng DTTS cho giáo viên công tác tại các vùng có đồng bào DTTS, hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; tăng cường rà soát, đánh giá đội ngũ CBQL, GV theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GVMN

³⁶ Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Đưa nội dung giáo dục Quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Kế hoạch số 668/KH-BGDĐT ngày 25/5/2023 của Bộ GDĐT triển khai nhiệm vụ Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về thực hiện nội dung giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non.

³⁷ Kế hoạch số 471/KH-BGDĐT ngày 4/5/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục năm học 2024-2025.

theo quy định. Căn cứ thực tế của đơn vị xây dựng nội dung và tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương đối với trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL và GV, đặc biệt là đội ngũ GV mới ra trường và GV dạy các nhóm, lớp độc lập tự thực.

Chỉ đạo, thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ GV, CBQL ở các cơ sở giáo dục công lập, và ngoài công lập theo Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT ngày 05/12/2022 của Bộ GDĐT; khuyến khích GV tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu trên mạng Internet phục vụ quá trình tổ chức các hoạt động của trẻ.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng tôn vinh, biểu dương đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong ngành giáo dục nhằm tạo động lực để đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.

Chỉ đạo và tổ chức **Hội thi "Giáo viên mầm non dạy giỏi"** các cấp. **Dự kiến tổ chức hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi cấp tỉnh: tháng 12/2025** (Sở GDĐT có văn bản hướng dẫn riêng).

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế

5.1. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong GDMN

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công tác chuyển đổi số ở các cơ sở GDMN, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 và Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025³⁸”. Đồng thời, gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của CBQL, GVMN, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành.

Chỉ đạo 100 % các cơ sở GDMN thực hiện ký số 02 loại hồ điện tử thay thế hồ sơ giấy; khuyến khích các đơn vị thực hiện ký số lập kế hoạch giáo dục, giáo án giáo viên, đánh giá sự phát triển của trẻ theo chủ đề và giai đoạn nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường. Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số³⁹.

Đẩy mạnh xây dựng kho học liệu số dùng chung; tăng cường khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, các video dùng chung để hỗ trợ thực hiện Chương trình đối với các cơ sở GDMN, đồng thời hỗ trợ cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với điều kiện của gia đình thông qua các ứng dụng zalo, viber, website nhà trường và các ứng dụng công nghệ khác.

³⁸Kế hoạch số 605/KH-UBND ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện “Chương trình hành động số 150-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 2918/KH-SGDĐT ngày 31/7/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và phong trào “Bình dân học vụ số” của ngành giáo dục tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030.

Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ GDĐT.

³⁹Công văn số 2899/SGDĐT-GDMN, TH ngày 01/10/2021, về hướng dẫn triển khai và quản lý hồ sơ sổ sách điện tử cấp mầm non, tiểu học từ năm học 2021-2022.

Chỉ đạo 100% cơ sở GDMN thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành và dữ liệu PCGD-XMC chính xác, hiệu quả, đúng quy định. Tăng cường huy động các nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT, đẩy mạnh CDS trong cơ sở GDMN; tạo điều kiện hỗ trợ giáo viên trong việc tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số.

Bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng CNTT, Robotics sẵn sàng triển khai đầy mạnh giáo dục STEM - Robotics và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2025-2030; chỉ đạo nâng cao năng lực đội ngũ ứng dụng các phần mềm khoa học công nghệ trí tuệ nhân tạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ; đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn về việc sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 60% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản lý. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc UDCNTT trong công tác quản lý GDMN các cấp và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

Tiếp tục triển khai mã QR trong việc cung cấp thông tin về trường các nội dung cần tuyên truyền với phụ huynh, cộng đồng như: Công tác tuyển sinh, kế hoạch giáo dục, hoạt động các phòng chức năng, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN.

5.2. Công tác tuyên truyền về GDMN và tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, cơ sở GDMN, đặc biệt tuyên truyền về thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, chuẩn bị triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ; đổi mới Chương trình GDMN, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Khai thác các nền tảng công nghệ để truyền thông nâng cao về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ đối với CBQL, GVMN. Truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đa dạng các kênh, lòng ghép hình thức và phương tiện truyền thông phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN cùng chăm lo phát triển GDMN.

Tăng cường các giải pháp để duy trì và tăng tỷ lệ huy động trẻ ra nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp, đặc biệt đối với những đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị truyền thông về mục đích, nội dung của bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi để các tổ chức, cá nhân, cơ sở GDMN nhận thức đầy đủ, thực hiện tốt phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN nhằm nâng cao chất lượng GDMN của địa phương. Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả công tác truyền thông, các vấn đề xã hội quan tâm để nhân dân, phụ huynh hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đồng hành cùng ngành giáo dục.

Phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, lan tỏa phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Thực hiện hợp tác, hội nhập quốc tế về GDMN theo quy định.

6. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra theo thẩm quyền

Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp liên ngành, sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em hiệu quả, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ của cơ sở GDMN trong công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em và các hoạt động của cơ sở GDMN theo quy định. Đề cao vai trò thúc đẩy, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho CBQL, GVMN, cơ sở GDMN. Bảo đảm công khai, minh bạch, thực chất nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lượng thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra việc triển khai các chủ trương của Đảng và thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực GDMN thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định định mới về phân cấp, phân quyền.

Tiếp tục thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong các cơ sở GDMN. Tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản thu trong năm học⁴⁰; xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý tài chính nhằm chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu sai quy định trong các cơ sở GDMN. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện công khai tài chính theo qui định.

Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra các hoạt động của cơ sở GDMN. Đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở GDMN thường xuyên tự kiểm tra; tăng cường công tác phối hợp với UBND các cấp, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương, các cơ quan liên quan trong kiểm tra, giám sát. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các nhóm, lớp độc lập, tư thực; trong đó, chú trọng kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của các cơ sở GDMN độc lập trên địa bàn; tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra và có biện pháp giải quyết xử lý dứt điểm tình trạng cơ sở GDMN độc lập chưa đủ điều kiện hoạt động; kiên quyết đình chỉ các nhóm/lớp độc lập tư thực không đảm bảo các điều kiện⁴¹.

7. Triển khai hiệu quả công tác thống kê, báo cáo về GDMN

UBND cấp xã chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định vào phần mềm quản lý nhà trường; cơ sở dữ liệu IOC của tỉnh và cơ sở dữ liệu ngành của Bộ theo hướng dẫn của Sở GDĐT; tăng cường công tác rà soát, đối chiếu dữ liệu để đảm bảo tính thống nhất và chính xác số liệu khi thực hiện báo cáo về GDMN.

⁴⁰ Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

⁴¹ Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực.

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ GDMN đầu năm học và tổng kết năm học 2025-2026 theo qui định của Sở GDĐT.

Lưu ý: Thời gian, nội dung Báo cáo thực hiện theo phụ lục 1,2 đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND cấp xã, Hiệu trưởng/Chủ cơ sở GDMN, trường phổ thông có lớp mầm non căn cứ vào văn bản hướng dẫn và tình hình cụ thể của đơn vị để xây dựng kế hoạch chi tiết, thể hiện rõ 7 nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị với những chỉ tiêu, biện pháp cụ thể, khả thi; phân công cụ thể cho tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ trong năm học. Có biện pháp cụ thể, chủ động, sáng tạo tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá, đôn đốc các đơn vị thực hiện đạt kế hoạch đề ra.

Thực hiện báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định; đảm bảo chính xác số liệu, cung cấp đầy đủ thông tin (*thời gian, nội dung báo cáo theo đề cương hướng dẫn và phụ lục gửi kèm*)./.

Nơi nhận:

- Như trên (để t/h);
- Lãnh đạo Sở (để b/c);
- Các phòng CQ Sở;
- Lưu: VT, Phòng GDMN-GDTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Công Liêm

DỰ KIẾN CÁC HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2025 – 2026

Tháng	Nội dung công việc	Thành phần	Địa điểm Dự kiến
Tháng 9/2025	Hội nghị bồi dưỡng hiệu trưởng các trường mầm non	Có công văn hướng dẫn	Phường Tam Thanh
	Kiểm tra công tác chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu ngành cấp mầm non.	Có công văn hướng dẫn	Xã Cao Lộc
	Tập huấn hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDMN; phát hiện sớm, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.	Có công văn hướng dẫn	Các cơ sở GDMN
Tháng 10/2025	Bồi dưỡng, hội thảo tham quan mô hình điểm xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm và giáo dục STEM trong cơ sở GDMN.	Có công văn hướng dẫn	Xã Bắc Sơn
	Bồi dưỡng, hội thảo "Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lạng Sơn năm học 2025-2026" và thực hiện Quyền con người trong cơ sở GDMN.	Có công văn hướng dẫn	Trung tâm ngoại ngữ, tin học
	Kiểm tra việc thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, người dân tộc thiểu số; công tác giáo dục khuyết tật học hoà nhập của trẻ em mầm non; Vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường mầm non.	Có công văn hướng dẫn	Các cơ sở GDMN
Tháng 11/2025	Hội thảo, bồi dưỡng về hướng dẫn tổ chức các hoạt động tăng cường Tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ mầm non và phổ cập GDMN cho trẻ từ 3-5 tuổi.	Có công văn hướng dẫn	Xã Hữu Lũng
Tháng 12/2025	Tổ chức Hội thi “Giáo viên mầm non giỏi” cấp tỉnh.	Có công văn hướng dẫn	TT GDTX và đơn vị đăng cai thuộc các Phường/xã
Tháng 01/2026	Kiểm tra việc triển khai thực hiện giáo dục Quyền con người và triển khai giáo dục STEM cấp mầm non.	Có công văn hướng dẫn	Các cơ sở GDMN
Tháng 02/2026	Kiểm tra GDMN ngoài công lập và việc các trung tâm liên kết, dạy học, làm quen tiếng Anh trong cơ sở GDMN.	Có công văn hướng dẫn	Các xã/phường, các cơ sở GDMN

Tháng 3/2026	Kiểm tra hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn; Kiểm tra an toàn thực phẩm và công tác bán trú trong cơ sở GDMN	Có công văn hướng dẫn	Các xã/phường, các cơ sở GDMN
Tháng 4/2026	Tổ chức ngày hội STEM cấp học mầm non, tỉnh Lạng Sơn	Có công văn hướng dẫn	Các xã/phường
Tháng 5/2026	Kiểm tra việc thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số, kiểm tra công tác chuyển đổi số, báo cáo cơ sở dữ liệu ngành; quy trình lựa chọn tài liệu, học liệu đồ chơi trong cơ sở giáo dục mầm non	Có công văn hướng dẫn	Các xã/phường, các cơ sở GDMN
Tháng 6/2026	Thực hiện Báo cáo Lĩnh vực và Báo cáo Tổng kết năm học 2025 – 2026 (gửi Vụ GDMN - Bộ GDĐT)	Báo cáo	Bộ GDĐT
Tháng 7/2026	Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn Mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục năm học 2026-2027	Có công văn hướng dẫn	các cơ sở GDMN
Tháng 8/2026	Kiểm tra các điều kiện chuẩn bị cho năm học 2026-2027	Có công văn hướng dẫn	Các xã/phường, các cơ sở GDMN

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện sẽ có thay đổi điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế cấp học. Các nội dung khác của Bộ triển khai trong năm học sẽ có công văn hướng dẫn riêng.

Phụ lục 1

**LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Công văn số /SGDET-GDMN ngày /8/2025 của Sở GDĐT)

TT	Kỳ báo cáo	Thời gian nộp	Báo cáo cần nộp	Hình thức báo cáo
1	Báo cáo đầu năm học	Trước ngày 02/10/2025	1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ GDMN đầu năm học 2025-2026 <i>(theo đề cương gửi kèm)</i>. 2. Biểu thống kê GDMN kỳ đầu năm học (EMIS-Biểu 01-MN - ĐN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). 3. Hệ thống biểu TK của Sở GDĐT <i>(nhập online trên Google Drive theo hướng dẫn của phòng chuyên môn)</i>.	Các đơn vị báo cáo, thống kê về Sở Giáo dục và Đào tạo (Bộ phận GDMN) qua 02 hệ thống: 1. Hệ thống hành chính điện tử (ioffice). 2. Bản mềm qua hòm thư điện tử: Phonggdmn.solangson@moet.edu.vn
2	Báo cáo, thống kê học kỳ I	Trước ngày 10/01/2026	1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ GDMN học kỳ I năm học 2025-2026 <i>(theo các nhiệm vụ trọng tâm)</i>. 2. Hệ thống biểu TK của Sở GDĐT <i>(nhập online trên Google Drive theo hướng dẫn của phòng chuyên môn)</i>.	
3	Báo cáo tổng kết năm học	Trước ngày 20/5/2026	1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo văn bản Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với GDMN. 2. Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS): thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT <i>(Biểu mẫu số 01-MN-CN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu)</i>. 3. Hệ thống biểu TK của Sở GDĐT <i>(nhập online trên Google Drive theo hướng dẫn của phòng chuyên môn)</i>.	

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026
 (Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDMN ngày / 8 /2025 của Sở GDĐT)

- 1. Các văn bản trọng tâm đã triển khai**
- 2. Quy mô trường, lớp, trẻ em, đội ngũ, cơ sở vật chất về GDMN của xã/phường.**

*** Lưu ý:**

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Kinh phí

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2025-2026.

4. Khó khăn, vướng mắc

5. Kiến nghị, đề xuất